

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về phân bổ các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Xét Tờ trình số 5326/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2017, như sau:

1. Về nguồn vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư là 2.279.660 triệu đồng:

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 888.820 triệu đồng, trong đó: Vốn cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí: 567.820 triệu đồng; Thu tiền sử dụng đất: 300.000 triệu đồng (bao gồm 207.200 triệu đồng tiền thu sử dụng đất điều tiết cho ngân sách huyện, xã); Tiền thu xổ số kiến thiết: 21.000 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương (hỗ trợ có mục tiêu) là 549.600 triệu đồng.

- Vốn bố trí cho các Chương trình mục tiêu Quốc gia là 278.796 triệu đồng.

- Vốn bố trí cho các dự án ODA là 562.444 triệu đồng, bao gồm: Vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương: 56.313 triệu đồng; Vốn nước ngoài ODA: 506.131 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí kế hoạch

Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 theo các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

(1) Phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

(2) Phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2017 trên cơ sở khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng cường phân cấp nguồn lực để tạo điều kiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

(3) Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 cho các dự án phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 cho từng dự án trên cơ sở phù hợp với kế hoạch đầu tư và khả năng cân đối nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

- Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình thực hiện việc phân bổ vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản cho các dự án hoàn thành (đã được duyệt quyết toán);

+ Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

+ Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP;

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

+ Dự án khởi công mới phải đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ.

(Đối với các dự án dở dang và các dự án khởi công mới; mức vốn bố trí không vượt quá 90% tổng mức đầu tư đã được duyệt).

3. Phương án phân bổ chi tiết

a) Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

Tổng số phân bổ dự kiến là 888.820 triệu đồng, trong đó:

Phân vốn ngân sách tỉnh phân bổ là 681.620 triệu đồng, bố trí:

- Trả nợ vốn vay (Ngân hàng phát triển): 341.890 triệu đồng.
- Chi chương trình, dự án khắc phục, xử lý và các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường: 82.800 triệu đồng;
- Chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 10.000 triệu đồng;
- Trả Hợp đồng BT cầu Đồng Quang: 30.000 triệu đồng;
- Vốn chuẩn bị đầu tư: 3.000 triệu đồng;
- Hỗ trợ chống xuống cấp các di tích lịch sử văn hóa: 2.000 triệu đồng;
- Bố trí cho các dự án PPP: 20.000 triệu đồng;
- Bố trí cho các công trình, dự án: 191.930 triệu đồng, gồm:
 - + Công trình, dự án đã hoàn thành (76 công trình, dự án): 65.980 triệu đồng;
 - + Công trình, dự án chuyển tiếp và đã hoàn thành thủ tục đầu tư năm 2016 (54 công trình, dự án): 70.700 triệu đồng;
 - + Hỗ trợ lồng ghép với nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các dự án, công trình trạm y tế, trường học đạt chuẩn... và nông thôn mới: 48.450 triệu.
 - + Công trình, dự án khởi công mới (05 công trình, dự án): 6.800 triệu đồng.

Ngân sách huyện, xã từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo tỷ lệ điều tiết là 207.200 triệu đồng: Bố trí đảm bảo theo tiêu chí, nguyên tắc chung, dành một phần kinh phí cho công tác xử lý, bảo vệ môi trường và lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Nguồn vốn Chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương (hỗ trợ mục tiêu)

Tổng số đăng ký phân bổ là 549.600 triệu đồng, trong đó:

- Trả nợ XDCB mức tối thiểu theo Văn bản 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 11.600 triệu đồng/ tổng số 41.600 triệu đồng (trong đó: vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia là 30.000 triệu đồng);
- Bố trí vốn cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh: 538.000 triệu đồng.

c) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng số vốn đăng ký phân bổ là 278.796 triệu đồng, trong đó:

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 132.796 triệu đồng (trong đó: Thanh toán nợ XDCB tối thiểu 15.000 triệu đồng), phân bổ theo nguyên tắc sau:

- Xã đặc biệt khó khăn bố trí 1.000 triệu đồng.
- Thôn, bản đặc biệt khó khăn bố trí 200 triệu đồng.

- Chương trình 30a: tổng số 20.769 triệu đồng, phân bổ chi tiết sau.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 146.000 triệu đồng (trong đó: Thanh toán nợ XDCB tối thiểu 15.000 triệu đồng), phân bổ theo nguyên tắc sau:

- Suất đầu tư trên 1 đơn vị xã là 301,4 triệu đồng.
- Xã ưu tiên 1 (hệ số 4): $301,4 \times 4 = 1.025,6$ triệu đồng/xã.
- Xã ưu tiên 2 (hệ số 1,3): $301,4 \times 1,3 = 391,82$ triệu đồng/xã.
- Xã không ưu tiên (hệ số 1): 301,4 triệu đồng/xã.

d) Vốn bố trí cho các dự án ODA

Tổng số vốn đăng ký phân bổ là 562.444 triệu đồng, trong đó:

- Vốn nước ngoài ODA: 506.131 triệu đồng, bố trí cho 06 chương trình, dự án.
- Vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương: 56.313 triệu đồng, bố trí cho 03 dự án.

(Nội dung cụ thể theo các biểu phân bổ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ, Khoá XVIII, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc

BIỂU TỔNG HỢP VÀ CHI TIẾT
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSĐP (XDCB TẬP TRUNG) NĂM 2017
(Kèm theo Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Khoá XVIII)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*					
A	NGUỒN VỐN								
1	Tổng số: 888.820 triệu đồng.								
	Trong đó: - Cân đối ngân sách địa phương: 567.820 triệu đồng;								
	- Thu tiền sử dụng đất: 300.000 triệu đồng (trong đó: Chi đảm bảo môi trường và lập hồ sơ địa chính là 92.800 triệu đồng; điều tiết cho ngân sách huyện, xã là 207.200 triệu đồng);								
	- Thu xổ số kiến thiết: 21.000 triệu đồng								
2	Số vốn ngân sách tỉnh phân bổ: 681.620 triệu đồng								
3	Số vốn ngân sách huyện, xã phân bổ: 207.200 triệu đồng.								
B	KẾ HOẠCH PHÂN BỐ (PHẦN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)					681 620			
1	Trả nợ vốn vay (Ngân hàng phát triển); Trong đó: Hoàn trả vốn vay NHPT theo cam kết năm 2016 chưa bố trí nguồn: 95.520 triệu đồng. - Trả vốn NHPT kế hoạch cam kết năm 2017 (Chương trình kiên cố hóa kênh mương): 213.000 triệu đồng. - Hoàn trả các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ: 33.370 triệu đồng					- 341 890			
2	Chi chương trình, dự án khắc phục, xử lý và các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường					82 800	Quyết định phân bổ sau		
3	Chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					10 000			
4	Trả Hợp đồng BT Cầu Đồng Quang					30 000			
5	Vốn chuẩn bị đầu tư					3 000	Quyết định phân bổ sau		
6	Hỗ trợ chống xuống cấp các di tích lịch sử văn hóa					2 000	Quyết định phân bổ sau		
7	Bố trí các dự án PPP					20 000	Quyết định phân bổ sau		
8	Bố trí các công trình, dự án					5 832 416	3 031 186	191 930	
8.1	Công trình, dự án đã hoàn thành (tổng số 76 công trình, dự án)					3 335 205	2 287 294	65 980	Bố trí trả nợ các công trình, dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư
*	UBND huyện Đoan Hùng					311 112	110 870	3 500	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Đường cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng	225/QĐ-UBND 02/02/12	12-14	75 891	39 000	1 000	
-	Xây dựng kè hữu sông Lô đoạn qua Sóc Đăng	3494/QĐ-UBND 04/11/11	11-14	81 907	19 580	1 000	
-	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề xã Sóc Đăng, huyện Đoan Hùng (hạng mục đường giao thông)	3221 22/11/06; 601 28/2/2011	09-13	25 090	24 490	500	
-	Đường giao thông kết hợp di dời dân tránh lũ quét thuộc các xã phía Tây Nam, huyện Đoan Hùng	3317/QĐ-UBND - 21/10/11	12-16	128 224	27 800	1 000	
*	UBND huyện Hạ Hòa			232 898	195 743	1 850	
-	Hệ thống cấp nước sạch thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	1503 ngày 9/6/2005; 729 ngày 4/4/2007	2007-2009	18 303	17 373	350	
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông Vùng đồi huyện Hạ Hòa	3169/QĐ-UBND, 15/10/04; 2246/QĐ-UBND, 18/8/05; 501/QĐ-UBND, 23/02/06; 2513/QĐ-UBND, 04/9/08; 1054/QĐ-UBND, 30/3/11	2006 - 2014	112 139	101 534	500	
-	Đường vào khu du lịch Ao Châu, huyện Hạ Hòa	550/QĐ-UB, 14/3/07; 1298 ngày 14/5/2008; 1055/QĐ-UB, 30/3/11, 900 ngày 12/4/2013	2007 - 2014	55 574	33 906	500	
-	Đường từ đền Mẫu Âu Cơ đi Ao Giời - Giếng Tiên, huyện Hạ Hòa	2066/QĐ-UBND, 20/8/07; 806/QĐ-UBND, 28/3/08; 1674/QĐ-UBND, 13/5/11; 2338/QĐ-UBND, 4/9/12	2008 - 2014	46 882	42 930	500	
*	UBND huyện Lâm Thao			112 000	71 300	3 000	
-	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới kết hợp đường giao thông trung tâm xã Sơn Dương	2181/QĐ-UBND ngày 21/10/2011	2011-2015	112 000	71 300	3 000	
*	UBND huyện Phù Ninh			156 504	94 591	2 500	
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 323C, huyện Phù Ninh (đoạn quốc lộ 2 - đê hữu sông Lô)	1797 ngày 17/07/2013	2013-2015	69 232	36 272	1 000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tránh lũ P4, huyện Phù Ninh (đoạn Phú Lộc - Phú Nham - Tiên Du)	3883 ngày 12/12/2011	2012-2015	50 988	34 800	500	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Bảo Thanh - Hạ Giáp, huyện Phù Ninh	3573 ngày 09/11/2010	2010-2012	36 284	23 519	1 000	
*	UBND huyện Tam Nông			194 624	172 208	4 300	
-	Hệ thống mạng ống phân phối nước sạch thị trấn Hưng Hóa và các vùng lân cận, huyện Tam Nông	3085/QĐ-UBND, 29/10/2008	2008-2013	63 464	57 448	300	
-	Đường Quang Húc - Tề Lễ, huyện Tam Nông	2751/QĐ-UBND, 10/11/2014	2009-2014	116 211	110 300	1 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã Văn Lương, huyện Tam Nông (Lý trình Km0+00-Km3+00m)	31/10/12	1764/QĐ-UBND	14 950	4 460	3 000	
*	UBND huyện Thanh Ba			79 423	71 652	1 100	
-	Cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Vân Lĩnh, huyện Thanh Ba	1263/QĐ-UBND; 11/5/2010		43 390	41 857	100	
-	Đường từ kho muối (TL314) xã Ninh Dân đi Lữ đoàn 168 xã Chí Tiên	Số: 2558/QĐ-UBND 08/8/2011		36 033	29 795	1 000	
*	UBND huyện Thanh Sơn			176 531	123 160	2 000	
-	Đường giao thông liên xã (đoạn từ xóm Mít đi xóm Nưa xã Tân Lập nối xã Tân Minh), huyện Thanh Sơn	2783 31/10/2013		36 567	25 000	1 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Thanh Sơn (TL 316-Tập Lập-Yên Lương-Yên Sơn) huyện Thanh Sơn	2816, 03/10/2008	2008-2012	139 964	98 160	1 000	
*	UBND huyện Thanh Thủy			18 700	13 426	1 000	
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và nhà khách cơ quan Huyện ủy Thanh Thủy	Số 2859 ngày 19/9/2013	2013-2014	18 700	13 426	1 000	
*	UBND huyện Yên Lập			30 671	22 089	2 500	
-	Dự án sân vận động huyện Yên Lập	QĐ số: 3137 ngày 18/11/2005; QĐ ĐC số 432 ngày 19/2/2013		19 709	14 135	2 000	
-	Cầu treo Ngòi Giành xã Xuân An	QĐ số: 1415 ngày 31/05/2012	2 012	10 962	7 954	500	
*	UBND thị xã Phú Thọ			65 268	64 293	970	
-	Đường 27/7 đi Viện Lao	2683, 21/10/2016	2008-2010	14 783	14 659	120	
-	Cải tạo, nâng cấp đường L6 huyện Lâm Thao đến đê Tả Thao thị xã Phú Thọ	2690/QĐ 31/8/2010	2009-2012	50 485	49 634	850	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
*	Ban QL các Khu công nghiệp và Công ty PTHH Khu công nghiệp			110 271	100 152	5 100	
-	Đường vào nhà máy xử lý nước thải D6-D8 KCN Thụy Vân, giai đoạn 1	29, ngày 7/1/2014		3 215	2 805	200	Công ty PTHH KCN
-	Đường GT nội bộ đoạn 11-12A; đường GT nội bộ, hệ thống thoát nước mưa đoạn 12A-7-KCN Thụy Vân, giai đoạn 2	3179, ngày 17/12/2015		11 593	10 949	500	Công ty PTHH KCN
-	Sàn nền diện tích nhà máy bia Đồng Xuân lô A-KCN Trung Hà	256, ngày 3/2/2015		8 839	8 535	200	Công ty PTHH KCN
-	Đường giao thông T3-T4, hệ thống thoát nước mưa T4-T5 tuyến N2 gói 2, tuyến thoát nước mưa từ nhà máy bia ra mương trung tâm -KCN Trung Hà	1080, ngày 11/5/2016		15 810	15 255	400	Công ty PTHH KCN
-	Mặt đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải-Khu TĐC Bạch Hạc, giai đoạn 1	8, ngày 3/1/2014		7 739	7 068	500	Công ty PTHH KCN
-	Hạng mục hè đường-CCN Bạch Hạc, giai đoạn 1	2205, ngày 19/9/2014		2 301	1 163	500	Công ty PTHH KCN
-	Sàn nền, đường GT nội bộ-CCN Bạch Hạc, giai đoạn 2	3383, ngày 26/12/2014		19 283	18 063	500	Công ty PTHH KCN
-	Một nửa mặt đường đoạn FLS3A, rãnh thoát nước mưa phần còn lại đoạn FLS lô số 9+10 - KCN Thụy Vân, giai đoạn 2			1 003	377	400	Công ty PTHH KCN
-	Sàn nền, nền đường giao thông nội bộ phần còn lại lô số 9 - KCN Thụy Vân, giai đoạn 2			5 284	4 750	400	Công ty PTHH KCN
-	Trụ sở làm việc BQL các KCN Phú Thọ			20 044	18 427	400	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
-	Thi công hạng mục hè đường giai đoạn I, II, Khu CN Thụy Vân	2205, 2206 ngày 19/9/2014		4 936	3 385	800	Công ty PTHH KCN
-	Sàn nền lô 5,6 và xây dựng đường giao thông nội bộ các tuyến D3, D4; đoạn 15-16 thuộc tuyến N3; đoạn 24-25 thuộc tuyến N1 và các nút giao thông số 3,4,10,11,15,16,21,24,25 KCN Trung Hà	3383, ngày 26/12/2014		4 988	4 415	100	Công ty PTHH KCN
-	Hệ thống thoát nước CCN Bạch Hạc	2418, ngày 10/10/2014	2007-2015	5 236	4 960	200	Công ty PTHH KCN
*	Sở Giao thông vận tải			731 084	522 810	7 500	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL2 đến Khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng	1078/QĐ-UBND ngày 15/5/2014	2014-2016	71 468	20 000	2 000	
-	Dự án đường nối QL32C-QL70 và xây dựng cầu Hạ Hoà	QĐ số 523/QĐ-UBND ngày 08/3/2007; 3958/QĐ-UBND ngày 24/12/2008; 3587/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 và 2352/QĐ-UBND ngày 21/7/2011; 1268/QĐ-UBND ngày 24/5/2013	2007-2015	573 636	455 175	2 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường nối QL2(ngã 3 Đền Hùng) đến đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai thuộc xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì	308, ngày 12/2/2014	2014-2015	52 537	20 000	2 000	
-	Đường tỉnh 321C (Lương Sơn - Phượng Vĩ)	QĐ số 4285/QĐ-UBND ngày 07/12/2009	2011-2014	27 419	22 135	1 000	
-	Cải tạo, sửa chữa tỉnh lộ 314 (đoạn từ km16+128 đến km39+220)	1482 30/6/2014	2015-2017	6 024	5 500	500	
*	Sở Nông nghiệp và PTNT			633 564	344 071	11 110	
-	Đường sơ tán dân đoạn Ninh Dân- Đông Thành- Thanh Vinh	1307/QĐ-UBND, 14/5/2010; 1019/QĐ-UBND, 19/4/2012	10-15	147 460	88 369	1 000	
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 32C đi Hiền Đa, Văn Khúc và tuyến đường từ quốc lộ 32C qua Cát Trù, Văn Khúc đi tỉnh lộ 329 kết hợp đường sơ tán dân	247/QĐ-UBND ngày 21/01/2012; 2748/QĐ-UBND ngày 17/10/2012	12-15	52 459	20 150	1 000	
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 32C đi Hiền Đa, Văn Khúc và tuyến đường từ quốc lộ 32C qua Cát Trù, Văn Khúc đi tỉnh lộ 329 kết hợp đường sơ tán dân (Tuyến QL32C-Cát Trù-Yên Dương)	1274, ngày 01/6/2016	12-15	6 599		1 000	
-	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đoạn Km73,3-Km73,7 đê hữu sông Thao Thuộc thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông.	657/QĐ-SNN ngày 24/10/2013	T9-10/2013	10 595	7 700	1 000	
-	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đoạn Km2,4-Km4,4 đê hữu Lô, xã Chí Đám; Km3,3-Km4,3 đê tả Lô, xã Hữu Độ, huyện Đoan Hùng.	406/QĐ-SNN ngày 10/9/2012	T8-T9/2012	65 286	61 022	1 000	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê tả ngòi Vĩnh Mộ	20/7/2009; 2130/QĐ-UBND 8/8/2012	10-14	90 320	63 370	2 500	
-	Tu bổ tuyến đê tả, đê hữu ngòi Me huyện Cẩm Khê	2070/QĐ-UBND, 09/7/2010	09-12	198 998	70 634	1 000	
-	Dự án cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước bị xuống cấp trên địa bàn huyện Cẩm Khê (hồ Đồng Nguyễn xã Phượng Vũ)	3552/QĐ-UBND ngày 08/11/2011	11-14	7 694	4 479	500	
-	Mua sắm đường ống và vật tư phụ kiện đi kèm phục vụ công tác chống hạn hán vụ Đông Xuân năm 2012 trên địa bàn các huyện: Hạ Hoà, Thanh Ba, Đoan Hùng, Yên Lập	1581/QĐ-UBND ngày 19/6/12	2012	8 542	8 100	280	
-	Mua sắm đường ống và vật tư phụ kiện đi kèm phục vụ công tác phòng chống và khắc phục hậu quả hạn hán vụ Đông Xuân năm 2010 - 2011	3593/QĐ-UBND ngày 11/11/11	11-12	6 345	5 250	830	
-	Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Cacbon thấp	1619/QĐ-BNN-KH, 15/7/2013; 2282/QĐ-UBND, 12/9/2013	14-18	39 266	14 997	1 000	
*	Ngành giáo dục và đào tạo			85 707	36 835	7 130	
-	THPT Hương Càn	03, 30/10/2008; 1179, 04/5/2010; 3890, 19/12/2011	1/2009 11/2009	10 931	8 000	500	THPT Hương Càn
-	THPT Hạ Hòa	784, ngày 26/3/2012		5 823	5 300	500	THPT Hạ Hòa
-	Trung tâm GDTX tỉnh	1322, ngày 14/5/2010		37 572		1 200	Trung tâm GDTX tỉnh
-	THPT Vĩnh Chân	2500, ngày 21/9/2012		1 493	900	600	THPT Vĩnh Chân
-	THPT Yên Khê	3873/QĐ-UBND ngày 12/12/2011	11/2011 10/2013	3 190	3 029	100	THPT Yên Khê
-	Trường THPT Việt Trì	124, ngày 21/12/2012		2 073	1 900	150	Trường THPT Việt Trì
-	Trường dân tộc nội trú Thanh Sơn	1594, ngày 17/7/2012		11 606	11 300	240	Trường dân tộc nội trú Thanh Sơn
-	Trường dân tộc nội trú Yên Lập	5203, ngày 16/10/2015		1 969	1 400	550	Trường dân tộc nội trú Yên Lập
-	THPT Hùng Vương	1301/QĐ-UBND ngày 2/6/2016	09/2015 06/2016	4 551	3 006	500	THPT Hùng Vương
-	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	2651/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	01/2016 01/2017	3 699	1 000	1 220	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục
-	Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh					1 070	Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Cải tạo nhà lớp học - Trường THPT Mỹ Văn	2551, 7/10/2016	2016	2 800	1 000	500	Trường THPT Mỹ Văn
*	Sở, ngành khác			396 848	344 094	12 420	
-	Trụ sở làm việc Chi cục quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ	2722/QĐ-UBND ngày 04/11/2014		10 020	9 328	300	Chi cục quản lý thị trường
-	Nhà ký túc xá 06 tầng B cụm chung cư sinh viên số 2 khu Trường cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Phú Thọ thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình: Chung cư sinh viên thành phố Việt Trì	2099/QĐ-UBND, 09/9/2014		19 664	18 705	900	Sở Xây dựng
-	Trung tâm dạy nghề huyện Cẩm Khê	2228 11/7/2011		22 894	19 139	1 500	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cẩm Khê
-	Nhà ký túc xá 09 tầng B, Cụm chung cư sinh viên số 1 - Khu đô thị Minh Phương thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình: Chung cư sinh viên thành phố Việt Trì	2101/QĐ-UBND ngày 09/9/2014		121 236	118 628	1 000	Sở Xây dựng
-	Nhà lớp học và các công trình phụ trợ - Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phù Ninh	3149, 15/12/2015		1 823	500	1 000	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phù Ninh
-	Dự án trung tâm Phát thanh - Truyền hình tỉnh Phú Thọ	2246/QĐ-UB ngày 15/7/2002		37 181	22 036	1 000	Đài PTTH tỉnh
-	Đường dây 22KV và trạm biến áp 560KVA - Cụm chung cư sinh viên số 2 khu Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Chung cư sinh viên thành phố Việt Trì	311/QĐ-UBND, 10/02/2015		2 296	2 176	120	Sở Xây dựng
-	Sửa chữa nhà làm việc Sở Tài nguyên Môi trường	770 4/4/2016		5 580	3 500	1 100	Sở Tài nguyên Môi trường
-	Cải tạo, nâng cấp Sân vận động Việt Trì	1808 26/7/2016		94 131	87 719	1 000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Sở Chỉ huy cơ bản (AP 05) (giai đoạn I)	3427/QĐ- UB 16/01/05; 1219/QĐ- UBND 07/6/11		51 076	37 125	500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp nhà khách A, nhà ăn và hệ thống thoát nước thuộc Trung tâm Hội nghị tỉnh	2526/QĐ-UBND, 22/10/2014		14 705	11 200	2 000	Văn phòng UBND tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp nhà B và các hội trường thuộc Trung tâm Hội nghị tỉnh	2527/QĐ-UBND, 22/10/2014		16 242	14 038	2 000	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
8.2	Công trình, dự án chuyển tiếp và đã hoàn thành thủ tục đầu tư năm 2016 (tổng số 54 công trình, dự án)			2 462 460	739 392	70 700	Bổ trí cho các công trình, dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư
*	UBND huyện Cẩm Khê			106 709	6 346	4 500	
-	Xây dựng khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thuộc dự án: Đường nối từ QL.32C vào Khu công nghiệp Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê	2629/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 253/QĐ-UBND ngày 29/1/2016		8 649	4 746	1 000	
-	Công trình lưu niệm nhà thơ Bút Tre thuộc vùng chiến khu cách mạng Vạn Thắng - Đồng Lương			8 400	100	500	
-	Cải tạo, nâng cấp kéo dài đường tránh lũ, sơ tán dân thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê	2392/QĐ-UBND ngày 25/9/2013		89 660	1 500	3 000	
*	UBND huyện Đoan Hùng			100 688	59 906	2 500	
-	Kè bảo vệ bờ, vỡ sông khu vực tượng đài Chiến thắng Sông Lô và cầu Đoan Hùng	518 -28.02.13	13-15	80 040	59 736	1 000	
-	Tu bổ, tôn tạo di tích địa điểm Chiến thắng Sông Lô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	2815, 28/10/2016		2 348		500	
-	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc UBND huyện Đoan Hùng		2016-2018	18 300	170	1 000	
*	UBND huyện Hạ Hòa			98 834	70 169	3 000	
-	Tuyến đường từ trung tâm xã Xuân Áng qua khu vực hồ Hàm Kỳ đến khu dân cư số 11, xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa	2601/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 57/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	2015 - 2017	21 909	8 650	2 000	
-	Đường giao thông đến trung tâm xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa	1237/QĐ-UBND ngày 20/5/2010; 1332/QĐ-UBND ngày 7/6/2011	2011 - 2016	76 925	61 519	1 000	
*	UBND huyện Lâm Thao			47 025	13 617	3 000	
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, xử lý úng ngập cục bộ QL32C từ TT Hùng Sơn đến huyện Lâm Thao	297, 11/01/2013		20 025	6 450	1 000	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện (HM: Nhà thi đấu và luyện tập đa năng)	Số 870/QĐ-UBND ngày 24/6/2014	2014-2018	27 000	7 167	2 000	
*	UBND huyện Phù Ninh			19 944	0	500	
-	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc UBND huyện Phù Ninh		2016-2018	19 944		500	
*	UBND huyện Tam Nông			88 928	14 840	4 000	
-	Chợ Cổ Tiết, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông	341, 14/2/2012		27 559	8 340	1 000	
-	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình nhà làm việc Huyện ủy Tam Nông	2079 19/8/2016	2016-2018	7 250	200	1 000	
-	Nâng cấp tuyến đường Hương Nộn-Thọ Văn -QL32, huyện Tam Nông	1677 11/7/2016	2016-2018	32 613	300	1 000	
-	Xây dựng hệ thống vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng đoạn qua thị trấn Hưng Hóa và đoạn từ dốc chùa Hương Nộn đến ngã tư Cổ Tiết	1426 16/6/2016	2016-2018	21 506	6 000	1 000	
*	UBND huyện Thanh Thủy			250 018	63 150	7 000	
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Thanh Thủy	Số 3560, ngày 31/12/2014	2015-2017	26 937	8 150	1 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối QL32 và đường Hồ Chí Minh với QL70B tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Hòa Bình (giai đoạn 1)	2639/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	2015-2016	200 624	55 000	2 000	
-	Kè chống sạt lở, vỡ sông đoạn Km29-Km30 đê tả Đà, thuộc xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy	2678, ngày 31/10/2014	2014-2018	22 457		4 000	
*	UBND huyện Yên Lập			31 285	0	1 000	
-	Tuyến đường từ trung tâm xã đến trấn Đồng Mãng, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	1989, 15/8/2016	2016-2018	31 285		1 000	
*	UBND thành phố Việt Trì			121 595	60 855	6 000	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Dự án Đường Phù Đổng (đoạn từ giao với đường Trường Chinh đến giao với đường Rước Kiệu)	Số 571 ngày 11/3/2016	2016	51 819	24 455	3 000	
-	Dự án Cải tạo đường và hệ phố hai bên đường Trần Phú đoạn từ nút giao Hùng Vương đến đường Hàn Thuyên	Số 735 ngày 30/6/2016	2016	69 776	36 400	3 000	
*	UBND thị xã Phú Thọ			49 410	10 300	2 000	
-	Kè xử lý sạt lở bờ tả sông Thao đoạn Km58+550 đến Km59+247, xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ	630/QĐ 19/03/14	2015-2016	26 140	5 000	1 000	
-	Trường MN trung tâm xã Hà Thạch		2014-2017	23 270	5 300	1 000	
*	Ban Quản lý các Khu công nghiệp			29 500	14 000	1 000	
-	Đầu tư xây dựng tuyến đường S-2	2635 18/10/2016		29 500	14 000	1 000	
*	Sở Giao thông Vận tải			757 982	199 750	7 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 316B đoạn Tân Phương - Hưng Hóa	2667 20/10/2016	2016-2018	59 947	30 000	1 000	
-	Dự án tuyến đường GTNT liên xã đoạn Đào Xá - Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	QĐ số 1933/QĐ-UBND ngày 02/8/2013	2013-2017	306 393	108 900	1 000	
-	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba-Hương Xá	QĐ số 2246/QĐ-UBND ngày 23/9/2014	2014-2017	289 897	60 850	1 000	
-	Đường nối từ đường dẫn cầu Đồng Quang vào Cụm công nghiệp Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy		2016-2018	42 057		2 000	Thực hiện theo hình thức PPP
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 313C đoạn Hương Lung - Đồng Lương		2016-2018	59 688		2 000	Thực hiện theo hình thức PPP
*	Sở Nông nghiệp và PTNT			247 951	86 009	2 500	
-	Đê tả sông Thao đoạn Km0 - Km17 huyện Hạ Hòa	3608/QĐ-UBND 04/12/2008	2015-2020	139 729	34 100	1 000	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Nâng cấp hệ thống đê tá, hữu ngòi Cỏ, huyện Cẩm Khê	Số 988/QĐ-UBND ngày 28/3/2011; Số 2039/QĐ-UBND ngày 14/8/2013	11-16	106 548	51 200	1 000	
-	Cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà công vụ, nhà kho tại Hạt Kiểm lâm Việt Trì		2016-2017	1 674	709	500	Hạt kiểm lâm Việt Trì
*	Ngành giáo dục và đào tạo			27 888	7 000	4 000	
-	Trường THPT Phương Xá					700	THPT Phương Xá
-	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Phú Thọ					600	THPT Dân tộc nội trú tỉnh Phú Thọ
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng-6 phòng	741/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	8/2016 3/2017	6 681	1 900	700	THPT Minh Đài
-	Nhà lớp học bộ môn và nhà chức năng 3 tầng	586/QĐ-UBND ngày 16/03/2016	07/2016 08/2017	7 177	1 800	650	THPT CN Việt Trì
-	Giải phóng mặt bằng và xây dựng nhà lớp học	742/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	8/2016 3/2017	6 043	1 500	700	THPT Thạch Kiệt
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng	588/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	8/2016 3/2017	7 987	1 800	650	THPT Đoàn Hùng
*	Sở, ngành khác			484 704	133 450	22 700	
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Tỉnh ủy	157/QĐ-UBND, ngày 19/01/2016	2016-2018	16 175	4 000	5 000	Văn phòng Tỉnh ủy
-	Cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục công trình thuộc Trụ sở làm việc các cơ quan khu vực Ủy ban nhân dân tỉnh	2525/QĐ-UBND, 22/10/2014; 327 05/02/2016		53 765	16 008	4 000	Văn phòng UBND tỉnh
-	Doanh trại Đại đội 20 Trinh sát, Đại đội 27 Thiết giáp	937/QĐ-UBND, 15/4/2013		27 124	10 369	1 000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Báo Phú Thọ	2683/QĐ-UBND, 31/10/2014		11 161	3 000	1 000	Báo Phú Thọ
-	Đầu tư sản xuất, truyền dẫn, phát sóng quảng bá kênh truyền hình Phú Thọ trên vệ tinh theo chuẩn HD	2652/QĐ-UBND ngày 30/10/2014		54 500	15 000	1 000	Đài PT-TH tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp xây dựng công trình phụ trợ thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Phú Thọ	1056/QĐ-UBND, 25/4/2013		9 658	6 788	1 600	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Phú Thọ

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (trại thực nghiệm)	3656/QĐ-UBND, 11/11/2010; 494/QĐ-UBND, 10/3/2016		30 775	5 155	1 000	Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Thư viện tỉnh Phú Thọ	2649/QĐ-UBND, 30/10/2014		21 256	4 700	1 000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Khôi phục Miếu Lãi Lèn, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì (GD II)	437, 31/01/2011		14 545	6 000	1 000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình khu liên hợp thể thao Việt Trì	2650/QĐ-UBND, 30/10/2014	2015-2018	30 943	7 200	600	Trung tâm quản lý, khai thác Khu liên hiệp TDTT
-	Nhà ở cho vận động viên thuộc Trung tâm quản lý, khai thác Khu liên hiệp thể dục, thể thao	2583, 12/10/2016	2017-2019	6 690		1 000	Trung tâm quản lý, khai thác Khu liên hiệp TDTT
-	Đầu tư hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch	714 29/3/2016	2016-2018	3 519	1 000	500	Sở Tư pháp
-	Trường Trung cấp nghề Công nghệ Vận tải	3691/QĐ-UBND		62 500	20 530	1 000	Trường Trung cấp nghề Công nghệ Vận tải
-	Trụ sở làm việc khối cảnh sát thuộc công an tỉnh Phú Thọ	1300/QĐ-BCA-H41 ngày 19/4/2011		109 000	27 800	1 000	Công an tỉnh
-	Trung tâm phát triển quỹ đất và văn phòng Đăng ký đất đai	724 30/3/2016	2016-2018	19 539	3 900	1 500	Sở Tài nguyên và Môi trường
-	Nâng cấp, cải tạo nhà bếp, nhà ăn tập thể Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ			2 270		500	Trường Chính trị tỉnh
8.3	Hỗ trợ lồng ghép với nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các dự án, công trình trạm y tế, trường học đạt chuẩn và nông thôn mới					48 450	
*	Huyện Cẩm Khê					3 000	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các Trạm y tế và trường học đạt chuẩn					1 000	Chủ tịch UBND huyện quyết định phân bổ chi tiết
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện tuyến Tiên Lương-Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê					1 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Trường THCS Tam Sơn, huyện Cẩm Khê					1 000	UBND huyện Cẩm Khê
*	Huyện Đoan Hùng					4 500	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các Trạm y tế và trường học đạt chuẩn					1 500	Chủ tịch UBND huyện quyết định phân bổ chi tiết
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ công làng đi Đồng màu, nghĩa trang xã Chí Đám					1 000	UBND xã Chí Đám
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ ông Doanh đi ông Bắc thôn Đồng màu xã Chí Đám					1 000	UBND huyện Đoàn Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên xã Khu 3 đi Khu 2 xã Bằng Luân					1 000	UBND xã Bằng Luân
*	Huyện Lâm Thao					5 000	
-	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Sơn Vi 2, xã Sơn Vi	157/QĐ-UBND, ngày 27/01/2016		3 500	800	1 000	UBND xã Sơn Vi
-	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Sơn Vi, xã Sơn Vi	158/QĐ-UBND ngày 27/01/2016		2 500	500	1 000	UBND xã Sơn Vi
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường Tiểu học Vĩnh Lại			4 684	1 400	1 000	UBND xã Vĩnh Lại
-	Đường Trung tâm xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao			14 500		2 000	UBND xã Thạch Sơn
*	Huyện Phù Ninh					5 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ninh (Đoạn từ công chui đường cao tốc - Nhà văn hóa khu 1; Lý trình km0+00-km0+995,3)	1408 24/6/2014		5 213	100	1 400	UBND xã Phù Ninh
-	Trường THCS Vĩnh Phú huyện Phù Ninh					500	UBND xã Vĩnh Phú
-	Cải tạo đường GTNT xã An Đạo tuyến TL 323C đi ngã ba Cây Tràm khu văn hóa khu 9			5 259	1 900	700	UBND xã An Đạo
-	Đường GTNT xã Từ Đà: tuyến 01 từ nhà ông Lý Ngọc khu 4 - Nhà ông Điều Nụ khu 3; tuyến 02 từ nhà bà Vui Bầy khu 4 - Nhà máy gạch Phong Châu; tuyến số 03 từ đường Cầu Châu - Bình Bộ			5 661	367	1 400	UBND xã Từ Đà
-	Nâng cấp cải tạo đường GTNT xã Phú Lộc, đoạn nhà ông Đào - nhà ông Lai khu 2	1648, 30/6/2014		1 890		1 000	UBND xã Phú Lộc

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
*	Huyện Tam Nông					5 000	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các Trạm y tế và trường học đạt chuẩn					1 600	Chủ tịch UBND huyện quyết định phân bổ chi tiết
-	Đường giao thông nông thôn xã Hương Nha	1247, 10/3/2016		5 931	2 000	1 000	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học Trường tiểu học Hiền Quan Tam Nông					700	UBND huyện Tam Nông
-	Hỗ trợ Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng học Trường tiểu học Hương Nộn, huyện Tam Nông					1 700	UBND xã Hương Nộn
*	Huyện Thanh Thủy					4 500	
-	Cải tạo, nâng cấp Vườn cây Bác Hồ xã Đào Xá	Số 3173 ngày 22/10/2013	2013-2014	8 783	4 600	1 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Xây dựng 6 trạm y tế các xã: Trung Nghĩa, Phượng Mao, Tân Phương, Bảo Yên, Đào Xá, Sơn Thủy		2016	20 000	600	3 500	Chủ tịch UBND huyện quyết định phân bổ chi tiết
*	Huyện Thanh Ba					4 200	
-	Nhà lớp học 2 tầng trường Mầm Non xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba	369, ngày 15/3/2016		3 516		1 200	UBND xã Mạn Lạn
-	Cải tạo nâng cấp hồ Đầm Bênh, xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba	2950a, 11/10/2013		4 343	1 848	2 000	UBND huyện Thanh Ba
-	Đường GTNT liên xã Chí Tiên đi Hoàng Cương (Tuyến Thanh Xá-Hoàng Cương)	743, 27/3/2013; 1700, ngày 21/6/2013		6 866	4 281	1 000	UBND huyện Thanh Ba
*	Huyện Thanh Sơn					4 000	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các Trạm y tế và trường học đạt chuẩn					1 000	Chủ tịch UBND huyện quyết định phân bổ chi tiết
-	Cải tạo trụ sở làm việc UBND huyện Thanh Sơn					1 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Đường GTNT xã Giáp Lai đoạn từ tỉnh lộ 316 đi Đình Giáp Lai			5 270	4 100	1 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ Đồng Sạng xã Hương Cần đi xóm Né xã Yên Lãng			8 578	3 000	1 000	UBND huyện Thanh Sơn
*	Thị xã Phú Thọ					5 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GT trung tâm xã Hà Thạch đi TL325B đến TL320					1 000	UBND thị xã Phú Thọ

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMĐT, QT*			
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Thanh Minh					1 000	UBND xã Thanh Minh
-	Nâng cấp đường GTNT đoạn từ cầu Róc (TL315) đến gò Đồng xã Văn Lung	1403/QĐ-UBND ngày 8/10/2013	2014-2017	14 368	7 000	1 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Đường nối từ ĐT 315B đến đường 27/7 (cầu Môm Lối, khu 8 xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ)	2919 29/10/2015	2015-2018	8 125		1 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Đường từ TL 315B (khu 9, xã Văn Lung) nối với đường Ngô Quyền (phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ)	2920 29/10/2015	2015-2018	8 490		1 000	UBND thị xã Phú Thọ
*	Huyện Hạ Hòa					4 150	
-	Trường mầm non Minh Hạc, huyện Hạ Hòa					1 000	UBND xã Minh Hạc
-	Trường tiểu học Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa					1 000	UBND xã Vĩnh Chân
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT Động Lâm	5447 31/12/2015	2015-2017	10 062	500	2 150	UBND xã Động Lâm
*	Thành phố Việt Trì					2 100	
-	Trường Mầm non Dữu Lâu			3 000	100	1 000	UBND phường Dữu Lâu
-	Hỗ trợ Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng Trường Mầm non Trung Vương	7037 19/9/2016		2 739		1 100	UBND phường Trung Vương
*	Huyện Yên Lập					2 000	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các Trạm y tế và trường học đạt chuẩn					1 000	Chủ tịch UBND huyện quyết định phân bổ chi tiết
-	Đường ống dẫn nước từ hệ thống thủy lợi Dộc Giang-Phai Ngà cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập	1259 ngày 08/9/2015		5 092	2 000	1 000	UBND huyện Yên Lập
8.4	Công trình, dự án khởi công mới (tổng số 05 công trình, dự án)			34 751	4 500	6 800	Bổ trí cho các công trình, dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư
*	Ban Quản lý các Khu công nghiệp			10 117	0	2 000	
-	Tuyến đường ngang nối Khu công nghiệp Thụy Vân với xã Thanh Đình	2727 26/10/2016		4 947		1 000	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm	KC-HT	TMDT, QT*			
-	Xây dựng công ngầm D2000 KCN Trung Hà			5 170		1 000	
*	Sở, ngành khác			24 634	4 500	4 800	
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Tư pháp	2738 26/10/2016	2017-2019	8 762	4 400	1 200	Sở Tư pháp
-	Cải tạo công, tường rào, sân vườn, nhà công vụ và nhà xe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Phú Thọ			3 299	100	1 600	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Phú Thọ
-	Cơ sở làm việc đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn khu vực Đền Hùng			12 573		2 000	Công an tỉnh

BIỂU TỔNG HỢP VÀ CHI TIẾT
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (HỖ TRỢ MỤC TIÊU) NĂM 2017
(Kèm theo Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Khoá XVIII)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng vốn đầu tư và cơ cấu vốn trung hạn 2016 - 2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
				Tổng vốn đầu tư	NSDP và nguồn khác	Trung hạn 2016 - 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kế hoạch năm 2016		
A	TỔNG NGUỒN VỐN			9,452,520	-	2,593,342	2,013,761	630,927	549,600	
B	KẾ HOẠCH PHÂN BỐ									
I	Trả nợ XDCB vốn ngân sách Trung ương đến hết kế hoạch 2015			1,871,484	-	50,555	90,700	13,500	11,600	Chi trả nợ XDCB là 40.600 triệu đồng (trong đó: nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương 11.600 triệu đồng, Chương trình mục tiêu Quốc gia 30.000 triệu đồng). Theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: cả giai đoạn 2016 - 2020 phải trả 177.896 triệu đồng; năm 2017 phải trả tối thiểu 25.930 triệu đồng
1	Cầu, đường nối thị trấn Thanh Sơn - xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn	2010-2011	1908, 03/7/2009	127,412		20,955	90,700		10,000	
2	Trường Đại học Hùng Vương (thanh toán nợ XDCB)			1,744,072		29,600		13,500	1,600	
II	Thu hồi vốn ứng trước tối thiểu					331,398		67,713		- Kế hoạch 2017 chưa giao phân bổ trí phải thu hồi. - UBND tỉnh sẽ rà soát, báo cáo không thu hồi trong giai đoạn 2016 - 2020 hoặc thực hiện từ năm 2018
III	Phân bổ các dự án, công trình cụ thể:			7,581,036	-	2,542,787	1,923,061	617,427	538,000	
1	Trạm bơm tiêu cho các xã Sai Nga, Sơn Nga, Thanh Nga và thị trấn Sông Thao huyện Cẩm Khê	16-20	358/QĐ-UBND ngày 22/02/2016	323,024		73,212	20,000	20,000	20,000	Ban QL các KCN tỉnh
2	Đường nối từ QL32C vào Khu công nghiệp Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê (đoạn từ nút 12 đến nút 19)	16-20	359/QĐ-UBND ngày 22/02/2016	131,878		80,480	35,000	35,000	25,000	Ban QL các KCN tỉnh
3	Cải tạo, gia cố và nâng cấp đường Âu Cơ (đoạn từ điểm đầu giao với đường Hùng Vương đến Km59 đê hữu sông Lô)	16-20	1118/QĐ-UBND 27/4/2010; 2473/QĐ-UBND 13/8/2010; 2640/QĐ-UBND 30/10/2015	638,986		133,500	247,520	28,000	52,800	Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng vốn đầu tư và cơ cấu vốn trung hạn 2016 - 2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
				Tổng vốn đầu tư	NSDP và nguồn khác	Trung hạn 2016 - 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kế hoạch năm 2016		
4	Dự án tuyến đường từ cầu Kim Xuyên đến Quốc lộ 2 và đường Hồ Chí Minh	14-18	1197/QĐ-UBND ngày 8/5/2012; 2768/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 771/QDD-UBND, 10/4/2014	348,065		96,500	127,000	7,000	25,000	UBND huyện Đoan Hùng
5	Cầu qua sông Bản xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn	14-18	1729/QĐ-UBND, 29/7/2014; 2608/QĐ-UBND, 29/10/2014	277,231		30,000	95,000	18,000	10,000	UBND huyện Thanh Sơn
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Ngòi Trang, Ngòi Hiêng, huyện Hạ Hòa (GD1 + GD2)	14-18	2402/QĐ-UBND, 12/9/2012; 2747/QĐ-UBND, 30/10/2013; 2679/QĐ-UBND, 31/10/2014	425,219		128,500	132,000	19,000	40,000	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Đường nối từ QL.32C vào Khu công nghiệp Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê	15-19	2605/QĐ-UBND, 29/10/2014	123,267		63,000	75,000	35,000	19,000	Sở Giao thông vận tải
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 318	15-19	2603/QĐ-UBND, 29/10/2014	105,800		28,445	40,000	10,000	15,000	Sở Giao thông vận tải
9	Đường từ nút giao IC9 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến đường 35m thị xã Phú Thọ (đường vào Khu CN Phú Hà)	16-20	596/QĐ-UBND ngày 26/3/2015; 2643/QĐ-UBND 30/10/2015	116,000		80,000	45,000	45,000	31,000	Sở Giao thông vận tải
10	Xây dựng hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng đi cầu Phong Châu	15-19	2794/QĐ-UBND 31/10/2013; 1961/QĐ-UBND 26/8/2014	240,000		40,750	41,500		10,000	Tổng số 22.000 triệu đồng (trong đó: PPP ngân sách huyện 12.000 triệu đồng). CĐT: UBND huyện Lâm Thao
11	Đường từ QL.70B đi thị trấn Hạ Hòa và ĐT.320D kết nối các xã vùng phía Nam với trung tâm huyện Hạ Hòa	16-20								Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). CĐT: UBND huyện Hạ Hòa
-	Hạng mục: Đoạn từ QL.70B đi thị trấn Hạ Hòa			82,429		35,000	10,000		25,000	Tổng số: 30.000 triệu đồng; trong đó: ngân sách TW 25.000 triệu đồng; Ngân sách huyện 5.000 tr đồng
-	Hạng mục: Đoạn từ QL.70B đi các xã phía Nam và TL.320D			95,000		35,000			15,000	
12	Đường giao thông liên huyện Thanh Thủy - Thanh Sơn	15-19	1806/QĐ-UBND ngày 06/8/2014	726,667		44,000	67,000		10,000	Chủ đầu tư: UBND huyện Thanh Thủy
13	Đường sơ tán dân, cứu hộ cứu nạn thị xã Phú Thọ (đoạn từ Quốc lộ 2 đến đường dẫn lên cầu Ngọc Tháp) - Giai đoạn 2	16-20		81,581		33,000			10,000	Tổng số 25.000 triệu đồng (trong đó: PPP ngân sách thị xã 15.000 triệu đồng). CĐT: UBND thị xã Phú Thọ

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng vốn đầu tư và cơ cấu vốn trung hạn 2016 - 2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
				Tổng vốn đầu tư	NSDP và nguồn khác	Trung hạn 2016 - 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kế hoạch năm 2016		
14	Cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn Km64 - Km80,1 từ thị xã Phú Thọ đến cầu Phong Châu (Giai đoạn I: Đoạn từ Km64-Km75 và Tuyến nhánh đê tả ngòi Lô Lợn)	16-20	607/QĐ-UBND, 17/3/2016	499,603		340,000	50,500	50,500	48,000	Sở Nông nghiệp và PTNT
15	Trạm bơm tiêu Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê (giai đoạn I: xây dựng khu đầu mối TB và kênh chính Km0 đến Km9+400)	16-20	637/QĐ-UBND, 17/3/2016	400,097		223,000	30,000	30,000	20,000	Sở Nông nghiệp và PTNT
16	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020	16-20	739/QĐ-UBND, 30/3/2016	60,288		10,000	5,000	5,000	3,000	Chi cục Lâm nghiệp Phú Thọ
17	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Xuân Sơn giai đoạn 2016-2020	16-20	638/QĐ-UBND, 18/3/2016	129,990		76,000	20,000	20,000	5,000	Vườn Quốc gia Xuân Sơn
18	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách giai đoạn 2015-2020	16-20	499/QĐ-UBND, 10/3/2016	62,810		22,400	7,000	7,000	5,000	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Thọ
19	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Phú Thọ	16-20	2434/QĐ-UBND 17/9/2012	258,435		35,000	15,000	15,000	15,000	Sở Công thương
20	Dự án nâng cấp, mở rộng khu chăm sóc và phục hồi chức năng cho người mắc bệnh tâm thần, người rối nhiễu tâm trí thuộc trung tâm trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Phú Thọ	2016-2020	2923, 30/11/2015	65,111		33,600	15,000	15,000	15,000	Trung tâm trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Phú Thọ
21	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	12-18	2510/QĐ-UBND 1/9/2009	118,684		60,000	58,600	23,000	18,000	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
22	Dự án Quảng trường Hùng Vương và Trung tâm dịch vụ Tổng hợp thành phố Việt Trì	12-18	166/QĐ-UBND 19/01/2010; 2943/QĐ-UBND 31/10/2012 ; 2677/QĐ-UBND 31/10/2014	771,197		90,000	588,014	36,000	10,000	UBND thành phố Việt Trì
23	Hạ tầng kỹ thuật Khu di tích lịch sử Đền Hùng giai đoạn 2016 - 2020	16-20	712/QĐ-UBND, 30/3/2016	359,811		52,600	34,600	34,600	18,000	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
24	Hoàn thiện tu bổ, tôn tạo hạ tầng, cảnh quan Trung tâm lễ hội Khu di tích lịch sử Đền Hùng	16-20	710/QĐ-UBND, 30/3/2016	503,710		316,200	60,000	60,000	18,000	Khu di tích lịch sử Đền Hùng
25	Hồ Công viên Văn Lang giai đoạn 2016-2020	16-20	711/QĐ-UBND, 30/3/2016	250,050		180,000	22,138	22,138	35,200	UBND thành phố Việt Trì

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng vốn đầu tư và cơ cấu vốn trung hạn 2016 - 2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2016		Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
				Tổng vốn đầu tư	NSDP và nguồn khác	Trung hạn 2016 - 2020	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kế hoạch năm 2016		
26	Cải tạo, nâng cấp đường nối các xã vùng 229 huyện Yên Lập gồm các xã (Phúc Khánh, Thượng Long, Nga Hoàng và Xuân Thụ)	16-20	04/QĐ-UBND, 04/3/2016	100,361		47,000	15,000	15,000	5,000	UBND huyện Yên Lập
27	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cự Thắng - Cự Đồng, huyện Thanh Sơn (thuộc CT 229)	16-20	01/QĐ-UBND, 19/02/2016	136,788		72,000	17,000	17,000	5,000	UBND huyện Thanh Sơn
28	Đường đến trung tâm xã Thu Ngạc, huyện Tân Sơn (giai đoạn 2)	16-20	05/QĐ-UBND, 04/3/2016	81,975		50,000	40,189	40,189	5,000	UBND huyện Tân Sơn
29	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản bền vững thuộc xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ	16-20	465/QĐ-UBND ngày 08/3/2016	66 978		33 600	10,000	10 000	5 000	UBND thị xã Phú Thọ

BIỂU TỔNG HỢP VÀ CHI TIẾT
KẾ HOẠCH VỐN NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NSTW CHO CÁC DỰ ÁN ODA NĂM 2017
(Kèm theo Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Khoá XVIII)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	KC-HT KTHD	TMDT			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016			Kế hoạch năm 2017			Chủ đầu tư	
			Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (NSTW)		Vốn nước ngoài (ODA)
					Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
	TỔNG SỐ			2,986,791	773,095	2,211,368	1,092,425	296,637	888,238	562,444	56,313	506,131	
I	Các dự án hoàn thành trước 31/12/2016			1,101,760	415,360	686,400	683,371	255,900	427,471	283,000	25,000	258,000	
1	Dự án phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại Tp. Việt Trì	2012 - 2016 6/2017	3026/QĐ-UBND, 28/9/11	1,101,760	415,360	686,400	683,371	255,900	427,471	283,000	25,000	258,000	UBND thành phố Việt Trì
II	Dự chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2017			1,637,347	337,735	1,297,284	409,054	40,737	460,767	254,893	31,313	223,580	
1	Dự án trạm bơm tiêu Bình Bộ, huyện Phú Ninh	2014 - 2017 2018	3007/QĐ-UBND, 25/11/2013	258,326	55,786	200,212				86,313	6,313	80,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Việt Trì	2009-2017 2018	309/QĐ-UBND, 2/2/2010; 2737/QĐ-UBND, 29/10/2013	735,940	147,188	588,752	259,079	28,787	230,292	125,000	25,000	100,000	Công ty Cổ phần cấp nước Phú Thọ
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng			643,081	134,761	508,320	149,975	11,950	230,475	43,580	-	43,580	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
-	Cấp nước sinh hoạt xã An Đạo, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ	2012- 2015	3006/QĐ-UBND ngày 26/9/2011; 1891/QĐ-UBND ngày 30/7/2013; 1637/QĐ-UBND ngày 21/7/2015	138,553	31,949	106,604	2,310	2,310	92,450	6,000		6,000	
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã Tạ Xã, Hương Lung, Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	2012- 2016	2729/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 1892/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 2601/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	86,302	20,779	65,524	57,825	3,600	54,225	4,000		4,000	
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phú Khê và xã Sai Nga, huyện Cẩm Khê	2013- 2016	2730/QĐ-UBND ngày 12/10/2012; 1929/QĐ-UBND ngày 01/8/2013; 1636/QĐ-UBND ngày 21/7/2015	36,468	11,466	25,001	23,380	1,330	22,050	1,500		1,500	
-	Vệ sinh và nước sạch cho các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2012- 2016	2580/QĐ-UBND ngày 09/8/2011	218,572		218,572	18,000		18,000	3,000		3,000	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt Trung nghĩa, huyện Thanh Thủy	2012- 2017	3005/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 2267/QĐ-UBND ngày 16/9/2015	163,186	70,567	92,619	48,460	4,710	43,750	29,080		29,080	

TT	Danh mục dự án	KC-HT KTHĐ	TMDT			Lũy kế vốn đã cấp đến 12/2016			Kế hoạch năm 2017			Chủ đầu tư	
			Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng (NSTW)		Vốn nước ngoài (ODA)
					Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
III	Dự án khởi công mới			247,684	20,000	227,684	-	-	-	24,551	-	24,551	
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả		3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2016	247,684	20,000	227,684	-	-	-	24,551	-	24,551	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
*	Các công trình cấp nước tập trung			200,000	20,000	180,000	-	-	-	16,500	-	16,500	
-	Dự án: Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các xã Chí Tiên, Hoàng Cương, Mạn Lạn, Phương Linh, Vũ Yên, huyện Thanh Ba	2018-2020		80,000	8,000	72,000				1,500		1,500	
-	Mở rộng cấp nước sinh hoạt Trung Nghĩa, huyện Thanh Thủy	2017-2019		20,000	2,000	18,000				1,000		1,000	
-	Cấp nước sinh hoạt xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa	2017-2019		25,000	2,500	22,500				7,000		7,000	
-	Cấp nước sinh hoạt cho các xã: Lương Lễ, Đổ Sơn và Đổ Xuyên - huyện Thanh Ba	2017-2019		50,000	5,000	45,000				7,000		7,000	
-	Cấp nước sinh hoạt cho các xã: Thanh Nga, Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê	2018-2020		25,000	2,500	22,500				-			
*	Các công trình cấp nước và vệ sinh trường học, trạm y tế			47,684	-	47,684	-	-	-	8,051	-	8,051	
-	Xây mới/nâng cấp công trình cấp nước và vệ sinh cho trạm y tế			8,100	-	8,100				1,000		1,000	
-	Sửa chữa và xây mới nhà vệ sinh và nước sạch phục vụ giáo viên và học sinh tại các trường học trên địa bàn các xã: Trung Giáp, Hạ Giáp - huyện Phù Ninh; Phú Khê, Cát Trù, Sơn Nga - huyện Cẩm Khê; Minh Tiến, Phú Thứ, Minh Phú - huyện Đoan Hùng; Đan Thượng, Y Sơn, Hiền Lương, Quán Khê - huyện Hạ Hòa; Ninh Dân, Mạn Lạn, Đại An - huyện Thanh Ba; Tu Vũ, Yên Mao - huyện Thanh Thủy; Hy Cương - thành phố Việt Trì; Xuân Huy, Hợp Hải - huyện Lâm Thao	2017-2018		39,584	-	39,584				7,051		7,051	

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2017
(Nguồn Đầu tư phát triển)

(Kèm theo Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Khoá XVIII)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục, chỉ tiêu	Số nợ đọng XDCB đến hết 2015		Kế hoạch năm 2017					Ghi chú
		Giảm nghèo bền vững	Nông thôn mới	Tổng số	Giảm nghèo bền vững		Nông thôn mới		
					Tổng số	Tr. đó: thanh toán dứt điểm nợ XDCB đến 2015	Tổng số	Tr. đó: thanh toán dứt điểm nợ XDCB đến 2015	
	TỔNG SỐ	42,858.0	42,499.7	278,796.0	132,796.0	15,000.0	146,000.0	15,000.0	
1	Huyện Yên Lập	27,945.3	1,537.1	36,090	16,800.0	5,087.3	19,289.6	1,537.1	
2	Huyện Thanh Sơn	2,481.3	5,896.3	37,580	18,200.0	2,481.3	19,380.0	2,296.0	
3	Huyện Tân Sơn	9,517.5	2,106.6	54,686	35,396.0	4,517.5	19,289.6	1,006.6	(1)
4	Huyện Đoan Hùng	368.0		24,711	11,600.0	368.0	13,110.9		
5	Huyện Hạ Hòa	1,377.2	3,648.5	19,434	7,800.0	1,377.2	11,634.0	1,248.5	
6	Huyện Cẩm Khê		7,691.1	42,676	19,800.0		22,876.3	4,128.1	
7	Huyện Thanh Ba			27,928	13,400.0		14,527.5		
8	Huyện Thanh Thủy	742.7	7,134.8	8,504	3,800.0	742.7	4,703.7	1,534.7	(2)
9	Huyện Tam Nông			9,217	3,400.0		5,817.0		
10	Huyện Phù Ninh	426.0	14,458.3	8,749	2,600.0	426.0	6,148.6	3,222.0	
11	Huyện Lâm Thao		27.0	3,798			3,797.6	27.0	
12	Thành phố Việt Trì			3,647			3,646.9		
13	Thị xã Phú Thọ			1,778			1,778.3		

Ghi chú:

Định mức phân bổ:

- Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV: 1.000 trđ/xã ĐBKK; 200 trđ/thôn, bản ĐBKK.

- Chương trình 30a: quyết định chi tiết sau.

- Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới: suất đầu tư trên 01 đơn vị là: 301,4 trđ; xã ưu tiên 1 là $301,4 \times 4,0 = 1.025,6$ trđ/xã; xã ưu tiên 2 là $301,4 \times 1,3 = 391,82$ trđ/xã; xã không ưu tiên là $301,4 \times 1,0 = 301,4$ trđ/xã.

(1) CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2017 huyện Tân Sơn 35.396 triệu đồng (trong đó: Chương trình 30a là 20.796 triệu đồng).

(2) Sau khi phân bổ vốn đầu tư theo định mức, còn dư 31,98 triệu đồng bổ sung cho 01 xã thuộc huyện Thanh Thủy.

